

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **121/2024/HSST**

Ngày 31 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Thế Vinh;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quỳnh và bà Nguyễn Thịu Thắng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Doãn Khắc Huy Hoàng – Thư ký

Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2024, Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý: 65/2024/HSST ngày 02
tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1978; Nơi thường trú: Số 51 Tân Xuân,
phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn
hóa: 12/12 ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ tên cha
đẻ: Lê Văn S, sinh năm 1947 (Đã mất); Họ tên mẹ đẻ: Đặng Thị T, sinh năm:
1952; Danh bản và chỉ bản số 000000488, lập ngày 19/9/2023 tại Công an
quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị khởi tố tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi
cư trú”.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Lê Hữu Đ, sinh năm: 2003; Nơi thường trú: Thôn Cương Gián,
huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân Đ1, sinh năm:
1973; Nơi thường trú: Tổ dân phố số 7, phường Đ2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà
Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1952; Nơi
cư trú: Số 51 Tân Xuân, phường X, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Lê Thị Thúy H1, sinh năm: 1976; Nơi
cư trú: Số 32, khu An Sinh 016CT2, khu đô thị MHTT, phường C1, quận Bắc Từ
Liêm, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đào Trung K, sinh năm: 1976. Số thẻ luật sư: 10.149/LS do Liên đoàn Luật sư cấp ngày 09/10/2015 Thuộc Công ty Luật TNHH Công lý Toàn Dân – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. *Có mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/01/2023, Công an phường X, quận Bắc Từ Liêm nhận đơn trình báo của anh Lê Hữu Đ (Sinh năm 2003; Nơi thường trú: Thôn Cương Gián, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh) bị mất một số tài sản gồm 9.800 EURO, 01 máy tính bảng màu đen (trị giá 1.800.000 đồng) ; 01 ĐTDĐ Iphone 6 màu xanh (trị giá 400.000 đồng) xảy ra ngày 10/01/2023 tại phường X.

* Sau khi tiếp nhận tin báo của anh Đ, Công an phường X phối hợp với Công an quận Bắc Từ Liêm kiểm tra xác định nơi xảy ra vụ việc, rà soát đối tượng, tang vật của vụ án xác định:

Vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 10/01/2023 tại số 51 Tân Xuân, phường X, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Phương tiện, dấu vết thu giữ:

+ 05 cuộn băng dính bản 4,7cm: 01 cuộn băng dính bản 1,7cm trong túi nilon đỏ tại ngăn dưới tủ giày tầng 2.

+ 01 bọc nilon màu trắng, có dán băng dính trong suốt bên ngoài thu tại vali trong phòng ngủ tầng 2;

+ 01 tấm bìa màu đen, KT (11,3x0,7) cm được cắt từ vỏ chai rượu hiệu “CARLOS I” trong chiếc vali xanh tím than, KT (48x27x72) cm;

+ 01 chiếc kéo tay cầm bọc nhựa xanh KT (22,5 x7,5)cm; lưỡi kéo dài 12 cm thu ở ngăn trên tủ giày tại tầng 2.

* Ngày 16/01/2023, Công an quận Bắc Từ Liêm ra QĐ trưng cầu giám định số 93/QĐ- ĐTHS giám định dấu vết đường vân tay của Đặng Thị T, Trần Xuân Đ1, Lê Hữu Đ, Lê Thị Thu H, Trần Thị Hà V.

* Kết luận giám định số: 391/KL – KTHS ngày 02/02/2023 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

1. Trên các mẫu A5, A7, A8 gửi giám định phát hiện 04 dấu vết đường vân đủ yếu tố giám định (ký hiệu từ 01 đến số 04) trong đó:

- Dấu vết số 01 phát hiện trên bề mặt của mẫu A5

- Dấu vết số 02 phát hiện trên mặt băng dính của mảnh băng dính quấn ngoài túi nilon màu trắng mẫu A7;

- Dấu vết số 3 và 4 phát hiện trên mẫu A8.

2. Dấu vết số 01 nêu ở mục 1 với dấu vân tay in ở ô cửa trái, dấu vết số 2 nêu ở mục 1 với dấu vân tay in ở ô trở trái, dấu vết số 03 nêu ở mục 1 với dấu vân tay in ở ô giữa phải, dấu vết số 4 nêu ở mục 1 với dấu vân tay in ở ô nhấn phải trong chỉ bản ghi tên Lê Thị Thu H (Sinh năm 1978; Nơi thường trú: Số 51 Tân Xuân, phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội) (ký hiệu M4) là dấu vân tay của cùng một người.

Quá trình điều tra xác định:

Ngày 07/01/2023, anh Lê Hữu Đ cùng bạn gái là chị Trần Thị Hà V (Sinh năm 2003; cùng quê Hà Tĩnh) đi từ sân bay Nội Bài, Hà Nội đến nhà bà Đặng Thị T (Sinh năm 1952; Nơi cư trú: Số 51 Tân Xuân, phường X, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội) để chơi. Trong nhà hiện có bà T, anh Trần Xuân Đ2 (Sinh năm 1973; Nơi thường trú: Tổ dân phố số 7, phường Đ1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội) và Lê Thị Thu H Đg ở nhà. Tại đây, anh Đ và chị V gửi lại 03 vali đồ đạc ở phòng ngủ tầng 2 của gia đình và đi chơi, ăn ở ngoài khách sạn. Từ ngày 07/01/2023 đến ngày 08/01/2023, H ngủ cùng bà Tiến ở phòng ngủ tầng 2, đến ngày 10/01/2023, thì bà T đi về quê Hà Tĩnh có việc, chỉ còn mình H ở nhà nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong vali của anh Đ. H đi ra tủ giày dép ở gần cầu thang tầng 2, lấy 01 chiếc kéo chuôi nhựa màu xanh, dài khoảng 20 cm để cạy khóa vali. Khi mở vali màu đen ở giữa, H phát hiện bên trong có quần áo, chai rượu, bánh kẹo, nước hoa;...Sau đó H lấy 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màu vàng, ốp lưng bằng nhựa màu xanh lá cây; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Tablet PC E355 và 01 bọc tiền ngoại tệ (gồm 56 tờ tiền mệnh giá 100 EURO; 84 tờ tiền mệnh giá 50 EURO) bỏ ra ngoài và tiếp tục mở vali màu xanh ở ngoài cùng giáp với cửa ra vào thì thấy bên trong có bánh kẹo, nước hoa, thuốc tây, rượu nhưng H không lấy gì mà đóng vali lại như cũ. H tiếp tục mở vali nhỏ màu xanh ở trong cùng Đg được bọc nylon xung quanh, dùng kéo rạch một đoạn nylon ở vị trí khóa kéo nhưng không mở được. Sợ bị phát hiện nên H đã lấy 01 cuộn băng dính màu trắng cắt một đoạn rồi dán vào vị trí đã rạch. Sau khi lấy được tài sản, H cất giấu bọc tiền ngoại tệ ở trong két sắt đặt ở tủ quần áo tầng 2, còn máy tính bảng và 01 điện thoại di động Iphone 6, H cất giấu trong kho cầu thang tầng 2. Sau đó H sắp xếp lại đồ đạc như cũ. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10/01/2023, anh Đ và chị V quay lại nhà bà T để lấy vali về quê thì phát hiện vali có dấu hiệu bị cạy mở khóa. Anh Đ mở vali kiểm tra phát hiện bị mất 9.800 EURO, 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng; 01 máy tính bảng màu đen và đồ đạc quần áo bên trong 03 vali bị xáo trộn nên đã báo cho anh Trần Xuân Đ2 đến nhà kiểm tra. Anh Đ2 đến và đưa anh Lê Hữu Đ công an phường X trình báo sự việc.

Ngày 17/02/2023, Lê Thị Thu H tự nguyện giao nộp:

- 56 tờ tiền mệnh giá 100 EURO;
- 84 tờ tiền mệnh giá 50 EURO.

Ngày 25/05/2023, Lê Thị Thu H tự nguyện giao nộp công an quận Bắc Từ Liêm:

- 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màu vàng, ốp lưng bằng nhựa màu xanh lá cây, đã qua sử dụng;
- 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Tablet PC E355 màu đen, kèm sạc pin được bọc trong túi nilon dán kín, đã qua sử dụng.

Ngày 28/7/2023, cơ quan CSĐT – Công an quận Bắc Từ Liêm có Yêu cầu định giá tài sản số 222/YC – ĐTHS đối với tài sản mà Hiện trộm cắp (BL 102).

Kết luận định giá tài sản số 761/KL – HĐĐGTS ngày 30/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND quận Bắc Từ Liêm kết luận:

- 01 ĐTDD kiểu dáng Iphone 6, 64 Gb màu vàng, ốp lưng bằng nhựa màu xanh (đã qua sử dụng) trị giá 400.000 đồng.
- 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Tablet PC E355, màu đen kèm sạc pin được bọc trong túi nilon dán kín, đã qua sử dụng trị giá 1.800.000 đồng.

Ngày 01/11/2023, cơ quan CSĐT – Công an quận Bắc Từ Liêm có biên bản làm việc với ngân hàng Ngoại thương Vietcombank – chi nhánh Thăng Long, phòng giao dịch Cầu Diễn xác định tổng số tiền 9.800 EURO là tiền thật do ngân hàng nước ngoài phát hành, hiện Đg sử dụng.

Ngày 31/3/2023, cơ quan CSĐT – Công an quận Bắc Từ Liêm có Công văn số 1821/CQĐT gửi ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) xác định tỷ giá đồng EURO so với VNĐ là bao nhiêu.

Công văn số 2101/CV ngày 14/11/2023 của ngân hàng Ngoại thương Vietcombank – chi nhánh Thăng Long trả lời: Đồng EURO (ngày 10/01/2023)

- + Tỷ giá mua vào là 24,497.37 đồng.
- + Tỷ giá bán ra là 25,869.14 đồng.

Như vậy, Quy đổi số tiền 9.800 EURO mà Lê Thị Thu H trộm cắp là 240.074.226 đồng.

Quá trình điều tra, bà Đặng Thị T đã bồi thường toàn bộ số tiền trộm cắp cho anh Lê Hữu Đ. Anh Đ có đơn xin nhận lại tài sản là 01 điện thoại Iphone 6, màu vàng; 01 máy tính bảng màu đen và ủy quyền cho anh Trần Xuân Đ2 nhận lại. Còn số tiền 9.800 EURO đề nghị trả lại cho bà Đặng Thị T.

Ngày 19/11/2023, cơ quan CSĐT – Công an quận Bắc Từ Liêm có Quyết định xử lý vật chứng số 131 trao trả 01 điện thoại Iphone 6, màu vàng, ốp lưng bằng nhựa màu xanh; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Tablet PC E355

màu đen cho anh Trần Xuân Đ2; số tiền 9.800 EURO cho bà Đặng Thị T. Anh Đ2, bà T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Đối với, vali bị rách khóa, do thiệt hại không lớn nên anh Đ không có đề nghị gì. Anh Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can H.

Đối với số tài sản thu giữ của Lê Thị Thu H liên quan đến hành vi phạm tội nên tạm giữ xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định bị can H có biểu hiện thần kinh không bình thường nên ngày 10/8/2023, cơ quan CSĐT – Công an quận Bắc Từ Liêm có Quyết định trưng cầu giám định tâm thần số 488 đối với Lê Thị Thu H.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 460/KLGD ngày 27/12/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương – Bộ Y tế kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Lê Thị Thu H bị bệnh Chậm phát triển tâm thần vừa. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F71.

Tại các thời điểm trên đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại cơ quan CSĐT – Công an quận Bắc Từ Liêm, Lê Thị Thu H khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 27/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định truy tố bị cáo Lê Thị Thu H về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Thị Thu H có dấu hiệu hoảng loạn về tâm lý. Sau khi được gia đình, Hội đồng xét xử trấn an, bị cáo chỉ thừa nhận có thực hiện hành vi rạch va ly của bị hại và chiếm đoạt tiền, ngoại tệ và máy tính bảng, điện thoại di động của bị hại.

Người giám hộ của bị hại thừa nhận chính em gái là bị cáo H là người lấy tiền của bị hại. Lời khai và bản tự khai do bị cáo H tự trình bày đúng sự thật, hoàn toàn không bị đe dọa hay ép buộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm luận tội: Khẳng định bản cáo trạng truy tố Lê Thị Thu H là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Thị Thu H về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 173; Điểm b,q,s Khoản 1,2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H mức án 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm.

Do bị cáo không có khả năng lao động, bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên đề nghị Toà án không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về dân sự: Không.
- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ: 05 cuộn băng dính bản 4,7cm; 01 cuộn băng dính bản 1,7cm; 01 bọc nilong màu trắng, có dán băng dính trong suốt bên ngoài; 01 tấm bìa màu đen, kích thước (11,3x0,7)cm được cắt từ vỏ chai rượu hiệu “CARLOS.P”; 01 chiếc kéo cầm tay bọc nhựa xanh kích thước (22,5x7,5)cm; lưỡi kéo dài 12cm;

- Về án phí: Do bị cáo bị hạn chế năng lực hành vi, nên không phải chịu án phí.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến:

Đồng ý với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố. Đồng ý với các tình tiết giảm nhẹ và mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Do bị cáo là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nên chính bị cáo cũng không nhớ rõ và phân biệt được lấy tiền của bị hại để làm gì. Bản thân bị cáo trong sinh hoạt hàng ngày cũng cần có sự trợ giúp của người thân; bị cáo được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng của Nhà nước; bản thân bị cáo còn mắc bệnh Tiểu đường tuýp 2, hàng ngày phải sử dụng thuốc.... Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Được cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát chặt chẽ của gia đình.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Lê Thị Thúy H1:

Kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo và hậu quả thực tế do bị cáo thiếu nhận thức đã gây ra. Mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát chặt chẽ từ gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Đặng Thị T trình bày:

- Xác nhận đã được nhận lại số tiền cơ quan điều tra trả lại khi thu giữ tại nhà do hành vi chiếm đoạt của bị cáo đối với bị hại. Vì ngay sau khi xác định được con gái mình lấy tài sản của bị hại Đ và Công an tạm giữ tài sản đó. Bà đã ra Ngân hàng rút khoản tiền gia đình dành cho con gái là chị Lê Thị Thu H để bồi thường cho bị hại tại quê Hà Tĩnh.

- Kính đề nghị Hội đồng xét xử cho con gái được cải tạo tại nhà dưới sự quản lý của người thân, ruột thịt.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an quận Bắc Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Những căn cứ xác định tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị Thu H tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và vật chứng được thu giữ cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 10/01/2023, tại số nhà 51 đường Tân Xuân, phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Lê Thị Thu H có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6, 64 Gb màu vàng, ốp lưng bằng nhựa màu xanh (đã qua sử dụng) trị giá 400.000 đồng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Tablet PC E355, màu đen kèm sạc pin được bọc trong túi nilon dán kín, đã qua sử dụng trị giá 1.800.000 đồng và số tiền 9.800 EURO (tương đương 240.074.226 đồng) của anh Lê Hữu Đ. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 242.274.226 đồng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo trộm cắp của anh Lê Hữu Đ tổng giá trị tài sản là: 242.274.226 đồng nên thuộc quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, bản cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 27/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định truy tố bị cáo Lê Thị Thu H về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, nguyên nhân và động cơ phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm nghi kỵ giữa những người thân thích, ruột thịt trong gia đình bà Tiến. Bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Tuy nhiên, bị cáo vẫn nhận thức được đó là tài sản, ngoại tệ của anh Lê Hữu Đ, không phải của bị cáo. Vì vậy, bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét đến việc chính bị cáo cũng không xác định được mục đích lấy tài sản này để làm gì, sử dụng vào việc gì. Bởi lẽ tài liệu điều tra cũng như trình bày của gia đình, người thân thích và cả của lời khai của bị hại thì bị cáo bị tâm thần, nhớ nhớ, quên quên.... cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày bị cáo được gia đình nuôi và được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, bị cáo không hề biết tiêu tiền. Đây là tình tiết quan trọng để đánh giá về tính chất và hậu quả của vụ án là thuộc trường hợp không nghiêm trọng cả về hành vi và hậu quả trong vụ án này. Thực tế toàn bộ tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại vẫn nguyên vẹn và vẫn nằm trong nhà của bà Đặng Thị T và bị cáo. Sau này cơ quan điều tra đã trả lại đồ vật, tài sản cho bị hại thông qua người đại diện và trả lại số tiền ngoại tệ cho bà T (Mẹ đẻ bị cáo).

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu, là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã lấy tiền, tài sản của bị hại và thái độ lo sợ, mất bình tĩnh, mất kiểm soát của bị cáo thể hiện sự ân hận về việc đã làm. Ngay sau khi biết bị cáo H là người chiếm đoạt tài sản của bị hại trong khi những tài sản này được cơ quan điều tra thu giữ, gia đình bị cáo mà trực tiếp là bà Đặng Thị T đã bàn bạc và thống nhất ra Ngân hàng rút số tiền tiết kiệm gia đình bị cáo gửi tiết kiệm cho bị cáo phòng khi về già và khi bà Tiến mất đi sẽ có 1 khoản để chi tiêu, mang về Hà Tĩnh trao trả lại cho bị hại Lê Hữu Đ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b,q,s Khoản 1 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Thị Thu H.

Ngoài ra gia đình bị cáo xuất trình nhiều giấy tờ chứng minh cha ruột bị cáo là ông Lê Văn S và ông bà nội, ngoại trong gia đình có nhiều thành tích trong công tác, lao động, học tập và chiến đấu, được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, huy chương, kỷ niệm chương. Bị hại Lê Hữu Đ và người đại diện theo uỷ quyền của bị hại Lê Hữu Đ là ông Trần Xuân Đ2 có nhiều đơn gửi các cơ quan bảo vệ pháp luật quận Bắc Từ Liêm đề nghị tha miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Lê Thị Thu H, do nhận thức hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ khác Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo theo quy định Khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Về hình phạt:

Đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo thực hiện, nguyên nhân, mục đích, động cơ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt. Có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xét xử thấp hơn mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

Xét bị cáo Lê Thị Thu H bị hạn chế năng lực hành vi, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bản thân không có khả năng lao động, hàng tháng được Nhà nước trợ cấp và bị cáo Đ đang bị bệnh tiểu đường độ 2, nên thấy cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Điều này phản ánh đúng bản chất nhân đạo của pháp luật và thực tế các tình tiết, sự kiện đối với bị cáo Lê Thị Thu H.

Do bị cáo không có khả năng lao động, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Không.

[7]. Về vật chứng:

Hội đồng xét xử chấp nhận về việc xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điểm b, q, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Áp dụng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H: **36** (Ba mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày Toà tuyên bản án.

Giao bị cáo Lê Thị Thu H về Ủy ban nhân dân phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, để theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu huỷ: 05 cuộn băng dính bản 4,7cm; 01 cuộn băng dính bản 1,7cm; 01 bọc nilong màu trắng, có dán băng dính trong suốt bên ngoài; 01 tấm bìa màu đen, kích thước (11,3x0,7)cm được cắt từ vỏ chai rượu hiệu “CARLOS.I”; 01 chiếc kéo cầm tay bọc nhựa xanh kích thước (22,5x7,5)cm; lưỡi kéo dài 12cm.

4. Về án phí: Bị cáo Lê Thị Thu H không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

(Chi tiết vật chứng được mô tả theo biên bản giao, nhận vật chứng số 202/24, ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa Cơ quan CSĐT công an quận Bắc Từ Liêm với Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm).

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, người giám hộ, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;

Đặng Thế Vinh